

Số: /2025/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định về chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng.... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị, cá nhân công tác tại Công an tỉnh được giao nhiệm vụ chuyên trách, trực tiếp thực hiện công tác tham mưu, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

b) Cán bộ, chiến sĩ, chiến sĩ nghĩa vụ, người lao động thuộc Công an tỉnh làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ điều trị, cấp phát thuốc tại các cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

c) Người cai nghiện ma túy bắt buộc; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Công an tỉnh.

d) Người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng xã, phường không có ma túy trên địa bàn tỉnh.

e) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ cho công tác phòng, chống ma túy

1. Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác đấu tranh, bắt giữ và khởi tố vụ án hình sự theo các tội danh được quy định tại Chương các tội phạm về ma túy của Bộ luật Hình sự (trừ các vụ án đã được thưởng thành tích đấu tranh phòng, chống tội phạm):

a) Đấu tranh, bắt giữ và khởi tố vụ án phạm tội về ma túy rất nghiêm trọng: 20.000.000 đồng/vụ án.

b) Đấu tranh, bắt giữ và khởi tố vụ án phạm tội về ma túy nghiêm trọng: 10.000.000 đồng/vụ án.

c) Đấu tranh, bắt giữ và khởi tố vụ án “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự: 5.000.000 đồng/vụ án.

d) Hỗ trợ kinh phí đấu tranh, bắt giữ và khởi tố từ bị can thứ 03 trở lên trong vụ án “Mua, bán trái phép chất ma túy”: 2.000.000 đồng/bị can.

2. Hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ công tác tại Công an tỉnh được giao nhiệm vụ chuyên trách, trực tiếp thực hiện công tác tham mưu, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về ma túy: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý: 585.000 đồng/người/tháng.

4. Hỗ trợ một lần đối với xã, phường được chứng nhận đạt tiêu chuẩn: “Xã, phường không có ma túy”: 200.000.000 đồng/xã, phường.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy

1. Hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc trong cơ sở cai nghiện ma túy

a) Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú thì được cơ sở cai nghiện ma túy cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông nếu người cai nghiện không có: Mức hỗ trợ để mua sắm quần áo thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/bộ/người (đối với quần áo mùa hè), 400.000 đồng/bộ/người (đối với quần áo mùa đông).

b) Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập, lao động, ngoài mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/năm từ nguồn ngân sách trung ương, hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương là 50.000 đồng/người/năm.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện trong cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Công an tỉnh được hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc (ngoài mức hỗ trợ 70% từ nguồn ngân sách trung ương).

3. Hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ, chiến sĩ nghĩa vụ, người lao động thuộc Công an tỉnh làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ điều trị, cấp phát thuốc tại các cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 1,0 mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ do ngân sách tỉnh Lào Cai bảo đảm.

2. Việc chi trả các khoản tiền hỗ trợ cho các cá nhân được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 và khoản 3 Điều 3 được thực hiện định kỳ hằng tháng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập) quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy, người được giao nhiệm vụ hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Số thứ tự 56 Mục II.1 và số thứ tự 30 Mục II.2 Phụ lục số I ban hành kèm theo Điều 1 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ.....thông qua ngày ... tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, Tài chính, Y tế.
- Cục KTVB và QLXPVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

Trịnh Việt Hùng